https://nhathuocngocanh.com/

thành các khối không đều. Bên ngoài có màu vàng nhạt, vàng hoặc vàng nâu. Bề mặt nhẵn cứng, bên trong có màu vàng đến vàng xám, vị hơi ngọt, hơi se.

Bảo quản

Dược liệu đã chế biến để trong đồ đựng kín, để nơi khô ráo. Bảo quản tốt để càng lâu, tác dụng càng hiệu quả.

Tính vị, quy kinh

Dược liệu chưa chế biến: Vị cay, ngứa, tính ôn, có độc.
Dược liệu đã chế biến: Vị ít cay, ít ngứa, tính ôn. Vào các kinh tỳ, vị, phế.

Công năng, chủ trị

Giáng nghịch, trấn thổ, tiêu đàm thấp.
Dùng chín (bán hạ đã chế biến): Trị ho đờm trắng, khí nghịch, ẩu thổ, ăn không tiêu đầy chướng bụng, hàn tích.
Khương bán hạ: Có tác dụng giáng nghịch trừ nôn.
Pháp bán hạ trị táo thấp, hóa đờm.
Dùng sống: Trị rắn cắn, giã nát đắp vào vết rắn cắn (ít dùng); đắp trị ung thũng, đàm hạch.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 3 g đến 9 g (sau khi chế biến theo yêu cầu chữa bệnh), dạng thuốc sắc hoặc hoàn tán.
Chế gừng: Dùng trong trường hợp bị nôn, bị ho.
Tẩm phèn chua: Dùng trong trường hợp có đờm.
Pháp bán hạ: Dùng trong trường hợp nhiều đờm.
Dùng ngoài (bán hạ sống): Tán nhỏ, làm bột trộn với rượu đắp nơi đau, lượng thích hợp.

Kiêng kỵ

Cơ thể yếu, bệnh nặng khi dùng cần cân nhắc.
Thuốc kỵ Ba đậu, Đan sâm, phản nghịch Ô đầu.

Ghi chú

Hiện nay vị thuốc Bán hạ trên thị trường hầu hết ở dạng đã chế biến.

BÁN HẠ NAM (Thân rễ)

Typhonii trilobati Rhizoma

Củ chóc, Củ chóc chuột

Thân rễ già (thường gọi là củ) được sơ chế thành phiến khô của cây Chóc chuột [*Typhonium trilobatum* (L.) Schott, syn. *Arum trilobatum* L.], họ Ráy (Araceae). Thu hoạch thân rễ vào mùa thu, khi lá vàng úa sắp tàn lụi. Đào lấy củ, rửa sạch, cắt bỏ rễ con, cạo bỏ vỏ ngoài hoặc đồ thành đống và ủ khoảng 7 đến 10 ngày đến khi vỏ ngoài mềm nát, chà sát cho tróc hết lớp vỏ ngoài, sau đó đồ đến khi củ chín đều (không còn nhân trắng đục), thái phiến dày 0,2 cm đến 0,5 cm, phơi hoặc sấy khô. Bán hạ nam có chất độc và ngứa, phải chế biến mới được dùng làm thuốc.

Mô tả

Phiến có hình tròn, hình trứng, hình bầu dục dài, đường kính thường là 0,5 cm đến 3 cm, ít khi đến 4 cm; dày 0,1 cm đến 0,3 cm; màu trắng đục, trắng ngà hay vàng nhạt. Xung quanh phiến còn ít vỏ mỏng và vết tích sẹo của rễ con. Thể chất chắc, khô cứng, giòn, dễ bẻ gãy. Vị nhạt, gây tê lưỡi, ngứa.

Vi phẫu

Lớp bần gồm nhiều lớp tế bào hình chữ nhật, dài 50 µm đến 80 µm, rộng 10 µm đến 15 µm. Lớp ngoài thường bị bong tróc ra (ở thân rễ chưa chế biến). Mô mềm gồm những tế bào hình cầu, đa giác, thành mỏng, vách méo mó, đường kính 50 µm đến 120 µm. Trong mô mềm có các tế bào chứa nhiều hạt tinh bột, các bó tinh thể calci oxalat hình kim, các tế bào chứa chất nhày. Các bó libe-gỗ nằm rải rác trong mô mềm, các bó phía trong thường lớn hơn phía ngoài, thành của các mạch gỗ ít hóa gỗ.

Bột

Màu trắng ngà hay nâu nhạt. Vị nhạt, gây tê lưỡi. Soi kính hiển vi thấy: Nhiều hạt tinh bột tròn, hình chuông, hình bầu dục, hình nhiều cạnh, đứng riêng lẻ hay kép đôi, kép ba, ít khi kép 4 hoặc kép 5 đường kính từ 5 µm đến 25 µm, rốn hình vạch hơi cong. Tinh thể calci oxalat hình kim riêng lẻ hay hợp thành bó, dài 35 µm đến 40 µm. Mảnh mạch vòng, mạch xoắn đường kính 15 µm đến 18 µm. Chất tiết màu vàng nâu, nâu đen.

Định tính

A. Cân 3 g bột thô dược liệu trong bình nón nút mài, thấm ẩm bằng 3 ml *dung dịch amoniac 10 % (TT)*, để 30 min. Thêm 8 ml *cloroform (TT)*, ngâm trong 4 h (thỉnh thoảng lắc nhẹ). Gạn, lọc lấy dịch cloroform. Cô cách thủy đến cắn. Hòa tan cắn trong 5 ml *dung dịch acid sulfuric 10 % (TT)*. Dùng dung dịch này chia vào 3 ống nghiệm để làm các phản ứng sau:
Ống 1: Thêm 2 giọt *thuốc thử Bouchardat (TT)*, xuất hiện tủa nâu đỏ.
Ống 2: Thêm 2 giọt *thuốc thử Mayer (TT)*, xuất hiện tủa trắng.
Ống 3: Thêm 2 giọt *thuốc thử Dragendorff (TT)*, xuất hiện tủa vàng cam.
B. Cân 5 g bột thô dược liệu, nghiền với 10 ml nước nóng. Thêm 30 ml *ethanol 75 % (TT)*, ngâm 12 h. Lọc lấy dịch. Cô trên cách thủy đến khi còn khoảng 3 ml. Lấy 0,5 ml dịch chiết trên vào ống nghiệm, thêm 5 giọt dung dịch *ninhydrin (TT)* 0,1 % trong *aceton (TT)*, đun sôi nhẹ trong khoảng 2 min. Dịch thử dần chuyển màu sang tím hồng, xanh tím.
C. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).
Bản mỏng: Silica gel G.
Dung môi khai triển: n-Butanol - acid acetic - nước (4 : 1 : 5).
Dung dịch thử: Lấy khoảng 10 g bột thô dược liệu cho vào bình nón nút mài, thấm ẩm bằng 3 ml *dung dịch amoniac 10 % (TT)*, để 30 min. Thêm 30 ml *cloroform (TT)*, ngâm trong 4 h (thỉnh thoảng lắc nhẹ). Gạn, lọc lấy dịch cloroform. Cô cách thủy đến khi còn khoảng 1 ml, dùng làm dịch chấm sắc ký.

https://nhathuocngocanh.com/

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 10 g bột Bán hạ nam (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.
Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí ở nhiệt độ phòng, phun dung dịch *vanilin (TT)* 1 % trong *ethanol 96 % (TT)*. Sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi các vết hiện rõ. Quan sát dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm
Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 5 h).

Tạp chất
Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tỷ lệ vụn nát
Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.12).

Tro toàn phần
Không quá 10,0 % (Phụ lục 9.8).

Tro không tan trong acid
Không quá 1,5 % (Phụ lục 9.7).

Kim loại nặng
Không quá 20 phần triệu (Phụ lục 9.4.8, phương pháp 3). Dùng 1 g dược liệu để thử và 2 ml *dung dịch chì mẫu 10 phần triệu Pb (TT)* để chuẩn bị dung dịch đối chiếu.

Chế biến
Bán hạ nam chế gừng *(khương bán hạ)*
Công thức:

Bán hạ nam phiến	1000 g
Phèn chua (bột)	100 g
Gừng tươi	100 g

Nước vo gạo vừa đủ.
Tiến hành: Lấy 1 kg gạo, vo lấy 3 L dịch nước. Ngâm phiến bán hạ trong 2 ngày, mỗi ngày thay nước một lần. Gạn bỏ dịch ngâm, rửa nhẹ bằng nước sạch đến khi hết nước đục trắng.
Hòa tan phèn chua trong 3 L nước sạch. Ngâm bán hạ tiếp trong 2 ngày đêm đến khi không còn đốm trắng (nhân trắng đục). Vớt ra, rửa sạch, phơi khô.
Gừng tươi, giã nát, thêm 100 ml nước sạch, nghiền kỹ, ép lấy dịch. Làm 2 lần như vậy. Trộn đều dịch gừng, tẩm vào bán hạ phiến ở trên, ủ 2 h đến 3 h, thỉnh thoảng đảo cho dịch nước gừng thấm đều. Sau đó sao đến khi phiến bán hạ chuyển sang màu vàng đậm. Khương bán hạ có tác dụng trị ho có đờm, tiêu thực, giáng khí, trị đầy hơi chướng bụng.
Cảm quan của vị thuốc: Phiến tròn hoặc mảnh vụn, kích thước không nhỏ hơn 0,2 cm. Thể chất khô giòn, màu vàng đậm đến nâu, cạnh phiến cháy. Mùi thơm đặc trưng của gừng. Vị cay nhẹ, không ngứa.
Định tính: Lấy 5 g bột thô dược liệu đã chế, nghiền với 10 ml *nước* nóng. Thêm 30 ml *ethanol 75 % (TT)*, ngâm 12 h. Lọc lấy dịch chiết. Cô trên cách thủy đến khi còn khoảng 3 ml. Lấy 0,5 ml dịch chiết trên vào ống nghiệm, thêm 5 giọt dung dịch *ninhydrin (TT)* 0,1 % trong *aceton (TT)*, đun sôi nhẹ trong khoảng 2 min. Dung dịch trong ống nghiệm không chuyển màu.
Tiên bán hạ: Lấy củ đã làm sạch vỏ đen bên ngoài đem thái lát, thêm Cam thảo, Bồ kết (1 kg Bán hạ nam dùng 0,1 kg Cam thảo, 0,1 kg Bồ kết), đổ ngập nước, đun đến khi gần cạn và các lát Bán hạ nam trong là được (nếu còn đốm trắng thì thêm nước và đun tiếp), vớt ra phơi hoặc sấy khô. Tiên bán hạ chủ yếu trị thương hàn, ẩu thổ.

Bảo quản
Trong đồ đựng kín, để nơi khô, tránh mốc mọt.

Tính, vị, quy kinh
Vị cay, tính ôn. Vào các kinh tỳ, vị, phế.

Công năng, chủ trị
Hóa đàm táo thấp, giáng nghịch chỉ nôn, giáng khí chỉ ho.
Chủ trị: Nôn, buồn nôn, đầy chướng bụng; ho đờm nhiều; trừ thấp trệ ở người béo bệu.

Cách dùng, liều lượng
Dạng thuốc sắc phối hợp với vị thuốc khác.
Ngày dùng từ 4 g đến 12 g dược liệu đã chế biến.
Dùng cho phụ nữ có thai phải phối hợp với Hoàng cầm, Bạch truật.

Kiêng kỵ
Cơ thể yếu, bệnh nặng khi dùng cần cân nhắc.
Phản nghịch Ô đầu. Thuốc kỵ Ba đậu, Đan sâm.
Không nên dùng cho người âm hư, ho khan, khạc máu.
Thận trọng khi dùng cho người mang thai.

BÌM BÌM (Hạt)
Pharbitidis Semen
Khiên ngưu tử, Hắc sửu, Bạch sửu, Hạt bìm bìm biếc

Hạt được làm khô của cây Bìm bìm [*Pharbitis nil* (L.) Choisy hoặc *Pharbitis pupurea* (L.) Voigt], họ Bìm bìm (Convolvulaceae). Thu hoạch vào vụ xuân - hè hoặc hè - thu. Cắt cả cây mang quả đã chín nhưng chưa nứt, phơi khô, đập tách vỏ, sàng lấy hạt và loại bỏ tạp chất, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả
Hạt có hai thứ. Thứ có mặt ngoài màu trắng ngà đến nâu vàng nhạt là bạch sửu; thứ có màu nâu nhạt hoặc nâu đen là hắc sửu. Hạt dài 4 mm đến 7 mm, rộng 3 mm đến 4,5 mm, có dạng như một phần của khối cầu, từ gần giống một phần năm khối cầu đến hình cầu. Mặt lưng lồi hình cung, có thể gồ ghề hoặc có một rãnh nông ở giữa, mặt bụng thường hẹp, gần như một đường thẳng tạo thành do hai mặt bên. Rốn nằm ở cuối mặt bụng và lõm xuống. Mặt ngoài hơi lồi lõm, vỏ cứng, mặt cắt ngang màu vàng nhạt hoặc lá mạ, hơi có dầu. Mùi nhẹ, vị hơi hăng và đắng.